

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

V/v "Tr/c Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chung và bà Phan Thị Nhụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nụ - Thư ký TAND thị xã Quế Võ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

STQ: Khu phố L, phường Đại Xuân, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

HKTT: Khu phố N, phường Đại Xuân, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

HKTT: Khu phố N, phường Đại Xuân, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Tuấn A được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 19/02/2017. Vợ chồng chung sống cùng nhau đến năm 2020 mới đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống cùng nhau hào thuận, hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh những bất đồng trong cuộc sống. Nhiều lần vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị đã về nhà để ở hoặc đi ngủ nhờ, thuê nhà trọ ở. Trong thời gian đó, anh Tuấn A cũng xin lỗi và mong vợ chồng về đoàn tụ. Vì thương con nên chị đã về ở cùng anh Tuấn A nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không có hạnh phúc. Đến tháng 10/2023 vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tuấn A không quan tâm đến gia đình, đánh, chửi chị và có quan hệ bất chính với người khác. Sự việc diễn ra nhiều lần nên chị đã ra ngoài thuê nhà trọ ở. Tuy nhiên, do các con nhỏ nên buổi tối, sau khi ăn cơm

ở chỗ trọ thì chị lại về ngủ với các con để sang hôm sau cho các con ăn và đưa con đi học. Từ tháng 10/2023 đến nay, mặc dù vợ chồng vẫn thường gặp nhau nhưng không ai nói chuyện với ai, công việc ai người đó làm, kinh tế độc lập. và vợ chồng sống ly thân từ đó, không có bất cứ quan hệ tình cảm nào. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tuấn A.

- *Về con chung*: Vợ chồng sinh được 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 02/8/2017 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/10/2020, Hiện cả hai con vẫn được vợ chồng chị chăm sóc. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu lớn vì hiện tại chị đang ở trọ không có khả năng nuôi dưỡng hai con. Cháu lớn đã đi học nên chị có thể chăm sóc cháu tốt hơn còn cháu bé thì nếu được ở với anh Tuấn A có ông bà nội cháu hỗ trợ thì cháu sẽ được chăm sóc chu đáo và tốt hơn.

Cấp dưỡng nuôi con, chị không đề nghị Tòa án giải quyết và hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Tuấn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và chung sống cùng nhau từ năm 2017 và hiện có hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc và đã sinh được 02 con chung. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân gần đây có những bất đồng trong quan điểm sống, cách sống dẫn đến vợ chồng không hòa hợp và hạnh phúc. Anh có thừa nhận là không khéo ăn nói, ít quan tâm đến vợ và đôi khi có lời nói làm tổn thương đến chị L nhưng anh vẫn còn tình cảm dành cho chị L và không muốn vợ chồng ly hôn.

Trong thời gian chung sống, anh xác nhận chị L có ra ngoài thuê nhà trọ ở một thời gian ngắn nhưng sau đó thì vợ chồng lại về ở cùng nhau. Lần gần nhất là vào tháng 10/2023, chị L đã thuê nhà trọ ở nhưng buổi tối vẫn về nhà tối ngủ với con để sáng hôm sau thì đưa con đi học. Mặc dù cô L về ngủ cùng con nhưng chúng tôi không nói chuyện, không ngủ cùng, không có quan hệ tình cảm và chị L cũng không ăn cơm cùng gia đình anh. Trong thời gian đó, anh cũng mong muốn chị L về đoàn tụ nhưng chị L không nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 02/8/2017 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/10/2020. Hiện các con chung đang ở với anh. Nếu buộc phải ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải song nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn và nuôi dưỡng 01 con chung. Bị đơn không nhất trí.

Đại diện VKSND thị xã Quế Võ tham gia phiên toà nhận xét:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai bằng lời nói và liên tục.

Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điều 147, 186, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị xử:

Về quan hệ vợ chồng: Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 02/8/2017 cho chị Nguyễn Thị L được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/10/2020 cho anh Nguyễn Tuấn A được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh Tuấn A và chị L đều có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, mặc dù đã được giao giấy triệu tập phiên tòa lần 2 nhưng anh Nguyễn Tuấn A vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tuấn A được tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gai đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2017, được UBND xã Đại Xuân (nay là phường Đại Xuân) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/9/2020, việc kết hôn đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh những mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống dẫn đến không còn lòng tin và sự tôn trọng dành cho nhau. Quá trình giả quyết tại Tòa án, chị L và anh Tuấn A đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật trong cuộc sống và nguyên nhân là do anh Tuấn A ít quan tâm đến vợ con, gia đình dẫn đến việc chị L cho rằng anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Trong thời gian sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay, cả hai đều không có biện pháp đoàn tụ và đều xác nhận vợ chồng không nói chuyện với nhau, việc

ai người đó làm, kinh tế độc lập, không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng cũng không có quan hệ về mặt tình cảm. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của anh chị là có thật trên thực tế. Quá trình giải quyết, chị L giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, anh Tuấn A không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng bản thân anh Tuấn A không có biện pháp nào để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Ngoài ra, các buổi làm việc của Tòa án về sau, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Tuấn A lên làm việc và hòa giải nhưng anh Tuấn A đều vắng mặt. Như vậy, đã thể hiện anh Tuấn A đã mặc nhiên và không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tuấn A là có thật trên thực tế, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết, chị L giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tuấn A có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 02/8/2017 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/10/2020. Hiện vợ chồng đều làm công nhân và thu nhập ổn định. Anh Tuấn A trình bày nếu phải ly hôn, anh xin được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của chị L là hiện nay do chưa có chỗ ở ổn định và để các cháu đều được chăm sóc tốt nên chị xin nuôi dưỡng cháu Quỳnh A, cháu Gia B sẽ giao cho anh Tuấn A nuôi dưỡng.

Nhận thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền và trách nhiệm của bố và mẹ. Anh chị hiện đều làm công nhân, có công việc và thu nhập ổn định đủ để trang trải cuộc sống. Xét điều kiện thực tế, gần quyền và trách nhiệm của mỗi bên đương sự cần giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51,56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 02/8/2017 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 05/10/2020 cho anh Nguyễn Tuấn A nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh Tuấn A và chị L có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề cập giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 0001842 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã Quế Võ;
- Chi cục THA thị xã Quế Võ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên